TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày: 04-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 766/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm D, sinh năm 1984 tại huyện P, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp TB, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn; bị cáo có 01 người con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 29/9/2018 theo Quyết định tạm giữ số 19 ngày 29/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre; ngày 02/10/2018 bị tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại tòa.

- Bị hại: Trịnh Minh E, sinh năm 1974, nơi cư trú: ấp AT, xã T, huyện GT, tỉnh Bến Tre. (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Trịnh Văn T, sinh năm 1948, nơi cư trú: ấp TP, xã T, huyện GT, tỉnh Bến Tre (cha của bị hại) ủy quyền cho anh Trịnh Minh H, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp AT, xã T, huyện GT, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 10 năm 2018. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Đ, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp TB, xã B, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người làm chứng:

Hứa Tấn T1, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp L, xã TB, huyện MC, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Nguyễn Văn D (Nguyễn Văn P), sinh năm 1978, nơi cư trú: ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Trần Văn T2, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp 5B, thị trấn GT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngô Văn T3, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm D và ông Trịnh Minh E, sinh năm 1974, đăng ký thường trú: ấp AT, xã T, huyện GT, tỉnh Bến Tre cùng là công nhân đang thi công công trình cầu số 2, nối xã Thạnh Hải và xã Thạnh Phong, huyện P, tỉnh Bến Tre. Sau ngày làm việc, Đang cùng với ông E, Nguyễn Văn D, Hứa Tấn T1 và Trần Văn T2 thường nghỉ tại lán trại - nơi ở của công nhân được xây dựng trên phần đất của ông Ngô Văn T3, ở ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Vào chiều ngày 28/9/2018, Phạm D cùng với Hứa Tấn T1 đến nhà ông Đoàn Văn T4 ở ấp TH, xã TH, huyện P để uống rượu, còn lại ông E, D và T2 cùng uống rượu tại lán trại. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, D và T1 về đến lán trại. Thấy D và ông T1 về đến, ông E lên tiếng trách ông T1 với lý do đi uống rượu mà không rủ mình dẫn đến giữa hai người phát sinh cự cãi qua lại, sau đó ông T1 bỏ đi ngủ. Lúc này, Phạm D đang ngồi trên băng ghế gỗ ăn mì tôm thì ông E tiếp tục chửi ông T1, Đang lên tiếng thì ông E chửi D. D nói "Ông chửi hoài coi chừng tôi đó". Nghe vậy, ông E chửi lại đồng thời đi đến thùng đựng dụng cụ gần đó lấy 01 (một) vỏ bao cây sứa bằng nhựa (loại dùng bao cây sứa) đi đến đứng phía sau lưng của D, tay trái nắm cổ áo của D, tay phải cầm vỏ bao cây sứa giơ lên thì D dùng tay phải quơ mạnh từ trước ra sau làm ông E buông cổ áo của D ra. Liền lúc này, D đứng lên trên băng ghế gỗ xoay người lại, tay phải nắm chặt lại rồi đấm thẳng 01 (một) cái trúng vào vùng mặt bên trái của ông E làm ông E té ngã xuống đất, phần đầu bên phải của ông E đập mạnh xuống nền đất gây bất tỉnh. Ngay sau đó, ông E được ông T1, D, T2 và D đưa đi cấp cứu tại Trạm y tế xã Thạnh Hải và chuyển lên Trung tâm y tế huyện P. Tại đây, Bác sĩ kết luận ông E đã chết trước khi vào viện. Khi biết được ông E chết, Phạm D đã tự nguyện đến Công an huyện P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 171/TT ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận ông Trịnh Minh E có những thương tích và nguyên nhân tử vong như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Phù nề, bầm tụ máu vùng thái dương – đỉnh phải.
- Tụ máu dưới da vùng thái dương – đỉnh phải. Tụ máu cơ thái dương phải.
- Sung huyết màng cứng toàn bộ.
- Chảy máu lan tỏa dưới màng mềm toàn bộ 2 bán cầu đại não.

- Xuất huyết tụ máu quanh cầu não. Quanh tiểu não có nhiều máu đông.

- Tụ máu trong nhu mô não lượng nhiều.

- Mô bệnh học:

+ Da: Thượng bì, trung bì, hạ bì với những mạch máu sung huyết, xuất huyết.

+ Màng não: Mạch máu sung huyết, xuất huyết.

+ Não: Các mạch máu bên trong cũng như ngoại vi với mạch máu sung huyết, xuất huyết.

Nguyên nhân chết: Nạn nhân Trịnh Minh E chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết tụ máu nội sọ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 53/18/GĐHS ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Phân viện Pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Thương tích vùng đầu của nạn nhân Trịnh Minh E là do tác động tương hỗ với vật tày gây nên.

- Một người trưởng thành bình thường, dùng nắm đấm, đấm vào vùng đầu với lực đủ mạnh thì có thể gây ra được thương tích vùng đầu của nạn nhân Trịnh Minh E.

- Việc nạn nhân bị té ngã va chạm vào nền đất hoặc vật dụng khác tại khu vực vụ án có thể gây ra được tổn thương này.

Vật chứng của vụ án được thu giữ:

- 01 (một) vỏ bao bằng nhựa (loại dùng bao cây sứa);

- 01 (một) băng ghế ngồi bằng gỗ có chiều dài 50cm, rộng 20cm, cao 06cm;

- 01 (một) mảnh gỗ dài 40cm, rộng 20cm.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 320833404 mang tên Trịnh Minh E; 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko, màu xanh – đen, có sim số 0816958788, bị nứt màn hình; 01 (một) điện thoại di động hiệu BUK, màu đen, có sim số 0399207847; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần ngắn lưng thun bằng vải màu xanh và tóc của Trịnh Minh E; thu giữ của bị cáo Phạm D 01 (một) áo sơ mi ngắn tay bằng vải màu trắng và 01 (một) quần lửng màu vàng nhạt đã cũ.

Quá trình điều tra, đã xác định được 01 (một) vỏ bao bằng nhựa (loại dùng bao cây sứa) là của Ngô Văn T3, nhưng ông T3 không yêu cầu nhận lại. Cơ quan điều tra đã trả lại 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 320833404 mang tên Trịnh Minh E; 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko, màu xanh – đen, có sim số 0816958788, bị nứt màn hình và 01 (một) điện thoại di động hiệu BUK, màu đen, có sim số 0399207847 cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Trịnh Minh H. Riêng các đồ vật còn lại đã tạm giữ của bị hại, ông H không yêu cầu nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Minh H (anh ruột bị hại) đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại đã chi phí vào việc mai táng với số tiền là 38.079.000 đồng (Ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng). Quá trình điều tra, anh Phạm Đ (em ruột bị cáo) đã tự nguyện bồi thường cho ông H chi phí mai táng xong, anh Đ không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền. Riêng ông H tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần với số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS, ngày 21-02-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Phạm D về "Tội cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điểm điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Phạm Đ (em ruột bị cáo) đã tự nguyện bồi thường cho ông H chi phí mai táng là 38.079.000 đồng. Ông Trịnh Minh H đã nhận đủ số tiền trên đồng thời tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần cho ông Trịnh Văn T với số tiền là 50.000.000 đồng, bị cáo Phạm D đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm D tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp cho bị hại số tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ bao bằng nhựa (loại dùng bao cây sứa); 01 (một) băng ghế ngồi bằng gỗ có chiều dài 50cm, rộng 20cm, cao 06cm; 01 (một) mảnh gỗ dài 40cm, rộng 20cm; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần ngắn lưng thun bằng vải màu xanh và tóc của Trịnh Minh E; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay bằng vải màu trắng và 01 (một) quần lửng màu vàng nhạt đã cũ của bị cáo Phạm D do không còn giá trị sử dụng và chủ sở hữu tài sản không yêu cầu nhận lại.

Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Bị cáo Phạm D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhưng có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có thực hiện việc tác động tới em bị cáo là Phạm Đ để bồi thường cho gia đình bị hại, đồng ý với việc em bị cáo đã bồi thường chi phí mai táng 38.079.000 đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp cho bị hại số tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại ông Trịnh Minh H không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự ông đồng ý bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông chi phí mai táng là 38.079.000 đồng và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Đ không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; đối với số tiền 38.079.000 đồng anh đã giao cho gia đình bị hại là do anh tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền này.

Bị cáo Phạm D nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo rất ăn năn, hối hận đối với hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm D thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại khu vực lán trại - nơi ở của công nhân thi công công trình cầu số 2, thuộc ấp Thạnh Hải, xã Thạnh Hải, huyện P, tỉnh Bến Tre, bị cáo Phạm D đã dùng tay phải đấm 01 (một) cái trúng vào vùng mặt bên trái của ông Trịnh Minh E làm ông E té ngã, đập đầu bên phải xuống nền đất gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Vì vậy, bản Cáo trạng số 06/CT-VKS, ngày 21-02-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Phạm D về "Tội cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

…

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

a) Làm chết người;".

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Phạm D là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù không cố ý và không mong muốn gây ra hậu quả chết người nên bị cáo chỉ đánh 01 (một) cái vào vùng mặt của

bị hại và đưa bị hại đi cấp cứu nhưng hậu quả là bị hại Trịnh Minh E tử vong. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi bị cáo biết được ông E cầm trên tay chỉ là vỏ bao cây sứa bằng nhựa chứ không phải là cây sứa bị cáo có thể chọn cách dừng lại nhưng bị cáo vẫn dùng tay phải nắm chặt lại rồi đấm thẳng 01 (một cái) trúng vào vùng mặt bên trái của ông E làm ông E té ngã xuống đất, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm D không phải chịu tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Phạm D là người có nhân thân tốt thể hiện ở việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tự nguyện đến Công an huyện P đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, đồng thời tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, tại phiên tòa bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng; được đại diện gia đình bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nguyên nhân dẫn đến sự việc cũng có một phần lỗi của bị hại. Ngoài ra, bị cáo có ông nội tên Phạm Văn Mười là Liệt sĩ, cha tên Phạm Văn D là cán bộ hưu trí, trong thời gian công tác ông D được tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua và huy hiệu 30 năm tuổi Đảng nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo Phạm D là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, do bị cáo Phạm D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Trịnh Minh H tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất về tinh thần cho người đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Trịnh Văn T với số tiền là 50.000.000 đồng, bị cáo Phạm D đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và

không trái đạo đức xã hội không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm D tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp cho bị hại số tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ bao bằng nhựa (loại dùng bao cây sứa); 01 (một) băng ghế ngồi bằng gỗ có chiều dài 50cm, rộng 20cm, cao 06cm; 01 (một) mảnh gỗ dài 40cm, rộng 20cm; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần ngắn lưng thun bằng vải màu xanh và tóc của Trịnh Minh E; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay bằng vải màu trắng và 01 (một) quần lửng màu vàng nhạt đã cũ của bị cáo Phạm D do không còn giá trị sử dụng và chủ sở hữu tài sản không yêu cầu nhận lại.

Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phạm D phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Phạm D 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29-9-2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Phạm D tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ bao bằng nhựa (loại dùng bao cây sứa); 01 (một) băng ghế ngồi bằng gỗ có chiều dài 50cm, rộng 20cm, cao 06cm; 01 (một) mảnh gỗ dài 40cm, rộng 20cm; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) quần ngắn lưng thun bằng vải màu xanh và tóc của Trịnh Minh E; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay bằng vải màu trắng và 01 (một) quần lửng màu vàng nhạt đã cũ.

Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án bị cáo Phạm D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện P;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh